

Số: /TB-THPTTQT

Ninh Bình, ngày tháng năm 2026

THÔNG BÁO

Công khai các điều kiện triển khai hoạt động giáo dục năm học 2026-2027

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục: Trường THPT Trần Quốc Tuấn

2. Địa chỉ:

- Xã Hải Hưng, tỉnh Ninh Bình

- Số điện thoại: 02283783888

- Địa chỉ thư điện tử: thpt.tranquoctuan@namdinh.edu.vn

- Cổng thông tin điện tử: <https://thpttranquoctuan.ninhbinh.edu.vn>

3. Loại hình của cơ sở giáo dục:

- Trường Trung học phổ thông công lập

- Cơ quan quản lý trực tiếp: Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Ninh Bình

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục:

a) Sứ mệnh Giáo dục và đào tạo các thế hệ học sinh có đầy đủ tri thức và kỹ năng thực hành đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của kỷ nguyên số trong một môi trường học tập lành mạnh, thân thiện, tích cực, nền nếp, kỷ cương nhưng vẫn đậm đà bản sắc dân tộc.

b) Tầm nhìn: Đến năm 2045, Trường THPT Trần Quốc Tuấn có cơ sở vật chất hiện đại, đạt kiểm định chất lượng GD cấp độ 3 và chuẩn quốc gia mức độ 2; là địa chỉ tin cậy về chất lượng giáo dục của địa phương.

c) Mục tiêu

- Mục tiêu tổng quát: Xây dựng nhà trường có uy tín về chất lượng giáo dục, là mô hình giáo dục theo hướng hiện đại, tiên tiến, phù hợp với xu thế phát triển của đất nước và thời đại.

- **Mục tiêu cụ thể:**

+ Mục tiêu ngắn hạn: Duy trì và nâng cao chất lượng trường chuẩn Quốc gia mức độ 2, khẳng định thương hiệu nhà trường trên địa bàn huyện.

+ Mục tiêu trung hạn: Duy trì bền vững, nâng cao chất lượng các tiêu chuẩn; đến năm 2030 tiếp tục được công nhận trường chuẩn Quốc gia sau 5 năm mức độ 2; cải tiến và nâng cao chất lượng trường đạt cấp độ 3 về kiểm định chất lượng giáo dục; hoàn thành cây dựng cơ sở vật chất theo tiêu chuẩn thuộc chương trình xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu bền vững, trường tiên tiến về chất lượng giáo dục toàn diện.

+ Mục tiêu dài hạn: Đến năm 2035, phấn đấu đạt được các mục tiêu sau:

+ Chất lượng giáo dục được khẳng định trong tốp những trường có chất lượng cao của tỉnh.

+ Duy trì đạt trường chuẩn Quốc gia mức độ 2 giai đoạn 2030-2035.

+ Có quy mô ổn định và phát triển. Duy trì đạt cấp độ 3 trong kiểm định chất lượng giáo dục.

+ Đến năm 2035 đạt chuẩn quốc gia mức độ 2; chất lượng đạt mức khá của tỉnh.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục:

Trường THPT Trần Quốc Tuấn được thành lập theo Quyết định Số 1481/2006/QĐ-UBND, ngày 22 tháng 6 năm 2006 của UBND tỉnh Nam Định, trên cơ sở phân hiệu 2 của trường THPT A Hải Hậu đến năm 2026 đã thành lập được 20 năm.

Trường đóng trên địa bàn xã Hải Hưng, tỉnh Ninh Bình. Diện tích của nhà trường là 17.543,7 m².

Trường THPT Trần Quốc Tuấn đang phấn đấu trở thành một ngôi trường có chất lượng giáo dục tốt, một địa chỉ tin cậy của cha mẹ học sinh, học sinh. Nhà trường không ngừng phát triển cả về quy mô trường lớp và chất lượng giáo dục; đội ngũ ngày càng tăng và ổn định cơ bản đủ biên chế theo định mức toàn trường và theo từng môn học; cơ sở vật chất được đầu tư khá hoàn chỉnh, đầy đủ, đến nay còn thiếu nhà đa năng, cảnh quan nhà trường khang trang, đáp ứng yêu cầu dạy học và các hoạt động giáo dục khác trong nhà trường.

Nhà trường có đủ các tổ chức theo quy định, Chi bộ, (Chi bộ có 36 đảng viên chiếm hơn 63% CB, GV, NV nhà trường), Đoàn TNCS Hồ Chí Minh.

Trường có 06 tổ chuyên môn, 01 tổ Văn phòng và các ban: Ban hoạt động GDNGLL, Hướng nghiệp, Ban Vì sự tiến bộ của phụ nữ...

Năm học 2025 - 2026 trường THPT Trần Quốc Tuấn có 24 lớp với 1022 học sinh, trong đó khối 10 có 8 lớp, khối 11 có 8 lớp, khối 12 có 8 lớp. Tổng số đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường hiện tại là 56, trong đó có 3 cán bộ quản lý (01 Hiệu trưởng, 02 Phó Hiệu trưởng), 48 giáo viên và 5 nhân viên; 100% cán bộ giáo viên, nhân viên đạt chuẩn và trên chuẩn, trong đó có 13 thạc sĩ.

Trường THPT Trần Quốc Tuấn đã và đang từng bước trưởng thành về mọi mặt, luôn hoàn thành tốt chức năng, nhiệm vụ của mình trong quản lý, hoạt động chuyên môn và giáo dục toàn diện học sinh; tổ chức tốt các phong trào thi đua; thực hiện tốt các cuộc vận động của Đảng, Nhà nước và của ngành giáo dục. Chất lượng giáo dục toàn diện nhà trường được đang nỗ lực phát triển, tỷ lệ học sinh đỗ vào các trường đại học, cao đẳng hàng năm được nâng lên, số lượng học sinh giỏi cấp tỉnh từng bước được cải thiện. Các tổ chức, đoàn thể ngày càng được củng cố, kiện toàn hoạt động có hiệu quả. Chi bộ nhà trường luôn phấn đấu đạt “Cơ sở Đảng trong sạch vững mạnh”, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh luôn phát huy vai trò

trách nhiệm, làm nòng cốt cho mọi phong trào. Công tác xã hội hoá giáo dục của nhà trường hoạt động ngày càng có hiệu quả, thúc đẩy xây dựng trường lớp “Xanh - sạch – đẹp-an toàn, Bảo đảm an toàn vệ sinh lao động”, Phấn đấu xây dựng “Trường học hạnh phúc”.

Với tinh thần “*Dân chủ, thân thiện, đổi mới, kỷ cương, chất lượng, nhân văn và bền vững*” và sự quyết tâm cao của toàn thể đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên, tập thể sự phạm đoàn kết, thực hiện đồng bộ các giải pháp cơ bản, thiết thực, hiệu quả, chất lượng dạy và học của nhà trường ngày càng đạt được kết quả cao hơn. Đây là cơ sở để nhà trường tự đánh giá kiểm định chất lượng, đồng thời giữ vững danh hiệu “Trường THPT đạt chuẩn quốc gia”.

6. Thông tin người đại diện:

- Họ và tên: Tạ Văn Duy
- Chức vụ: Hiệu trưởng
- Số điện thoại: 0913718833
- Thư điện tử: taduy73@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy:

a) Quyết định thành lập cơ sở giáo dục: Quyết định số 1481/2006, ngày 22/6/2006.

b) Quyết định điều động, bổ nhiệm hiệu trưởng, phó hiệu trưởng:

Hiệu trưởng Tạ Văn Duy: Quyết định số 1014/QĐ-SGDĐT, ngày 04/8/2023.

Phó hiệu trưởng Vương Thị Hoa: Quyết định số 2143/QĐ-SGDĐT, ngày 08/11/2024.

Phó hiệu trưởng Lại Văn Huyền: Quyết định số 508/QĐ-SGDĐT, ngày 25/3/2024.

c) Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục: Quyết định số 44/QĐ-THPTTQT, ngày 03/9/2025 về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động năm học 2025-2026 của trường THPT Trần Quốc Tuấn.

d) Quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có): Không có

e) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo cơ sở giáo dục

- Hiệu trưởng

- + Họ và tên: Tạ Văn Duy
- + Chức vụ: Hiệu trưởng
- + Số điện thoại: 0913718833
- + Thư điện tử: taduy73@gmail.com
- + Địa chỉ nơi làm việc: Trường THPT Trần Quốc Tuấn, xã Hải Hưng, tỉnh Ninh Bình.

+ Nhiệm vụ và quyền hạn của hiệu trưởng: Theo Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT.

+ Trách nhiệm của hiệu trưởng: Chịu trách nhiệm toàn diện

- Phó Hiệu trưởng

+ Họ và tên: Vương Thị Hoa

+ Chức vụ: Phó hiệu trưởng

+ Số điện thoại: 0946627117

+ Thư điện tử: vuonghoa.toan@gmail.com

+ Địa chỉ nơi làm việc: Trường THPT Trần Quốc Tuấn, xã Hải Hưng, tỉnh Ninh

Bình.

+ Nhiệm vụ và quyền hạn của hiệu trưởng: Theo Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT và theo sự phân công của hiệu trưởng.

+ Trách nhiệm của hiệu trưởng: Chịu trách nhiệm theo lĩnh vực được hiệu trưởng phân công.

- Phó Hiệu trưởng

+ Họ và tên: Lại Văn Huyền

+ Chức vụ: Phó hiệu trưởng

+ Số điện thoại: 0914263197

+ Thư điện tử: laihuyen1980@gmail.com

+ Địa chỉ nơi làm việc: Trường THPT Trần Quốc Tuấn, xã Hải Hưng, tỉnh Ninh

Bình.

+ Nhiệm vụ và quyền hạn của hiệu trưởng: Theo Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT và theo sự phân công của hiệu trưởng.

+ Trách nhiệm của hiệu trưởng: Chịu trách nhiệm theo lĩnh vực được hiệu trưởng phân công.

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục:

- Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục:

- Quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục:

- Quy chế làm việc của cơ sở giáo dục:

- Quy chế thi đua khen thưởng của cơ sở giáo dục:

- Quy chế chi tiêu nội bộ của cơ sở giáo dục: Quyết định số 21/QĐ-THPTTQT, ngày 12/01/2026 về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2026 của trường THPT Trần Quốc Tuấn

- Quy tắc ứng xử của cơ sở giáo dục

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1. Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo nhóm vị trí việc làm và trình độ được đào tạo:

TT	Tên / Vị trí việc làm	Tổng số vị trí việc làm	Số lượng người làm việc năm học 2024 - 2025	Trình độ đào tạo					
				Tiến sỹ	Thạc sỹ	Đại học	Cao đẳng	Trung cấp	Dưới trung cấp
I	Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý	2	3	0	2	1	0	0	0
1	Hiệu trưởng	1	1	0	1	0	0	0	0
2	Phó HT	1	2	0	1	1	0	0	0
II	Vị trí việc làm gắn với công việc hoạt động nghề nghiệp	7	51	0	13	38	0	0	0
1	Giáo viên THPT hạng I	1	0	0	0	0	0	0	0
2	Giáo viên THPT hạng II	1	1	0	1	0	0	0	0
3	Giáo viên THPT hạng III	1	50	0	12	38	0	0	0
4	Thiết bị, thí nghiệm	1	0	0	0	0	0	0	0
5	Giáo vụ	1	0	0	0	0	0	0	0
6	Tư vấn học sinh	1	0	0	0	0	0	0	0
7	Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	1	0	0	0	0	0	0	0
III	Vị trí việc làm CDNN chuyên môn dùng chung	6	4	0	0	1	0	3	0
1	Thư viện	1	1	0	0	0	0	1	0
2	Quản trị công sở	1	0	0	0	0	0	0	0
3	Kế toán	1	1	0	0	1	0	0	0
4	Thủ quỹ	1	0	0	0	0	0	0	0
5	Văn thư	1	1	0	0	0	0	1	0
6	Nhân viên y tế trường học	1	1	0	0	0	0	1	0
IV	Vị trí việc làm nhóm hỗ trợ, phục vụ	2	4	0	0	1	0	0	3
1	Nhân viên bảo vệ	1	3	0	0	1	0	0	2
2	Nhân viên phục vụ	1	1	0	0	0	0	0	1
Tổng Mục I+II+III+IV		17	59	0	13	40	0	3	3

2) Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định:

I. ĐỐI VỚI GIÁO VIÊN

i tượng đánh giá	Tổng số	Chưa đạt		Đạt		Khá		Tốt		Ghi chú
		Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ	
1. Tự đánh giá										
Giáo viên THPT	48	0	0	0	0	18	37,5%	30	62,5%	
2. Hiệu trưởng đánh giá										
Giáo viên THPT	48	0	0	5	10,4%	17	35,4%	26	54,2%	

II. ĐỐI VỚI HIỆU TRƯỞNG, PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Đối tượng đánh giá	Tổng số	Chưa đạt		Đạt		Khá		Tốt		Ghi chú
		Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ	
1. Tự đánh giá										
Hiệu trưởng	1	0	0	0	0	1	100%	0	0	
Phó hiệu trưởng	2	0	0	0	0	2	100%	0	0	
2. Hiệu trưởng đánh giá Phó hiệu trưởng										
Phó hiệu trưởng	2	0	0	0	0	2	100%	0	0	

III. TRƯỜNG HỢP CHƯA ĐẠT CHUẨN

STT	Họ và tên	Nguyên nhân	Ghi chú

c) Số lượng, tỷ lệ giáo viên cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định:

Đối với cán bộ quản lý					Đối với giáo viên					Ghi chú
Tổng số	Số CBQL tham gia BDTX	Số CBQL được miễn BDTX	Số CBQL hoàn thành kế hoạch	Số CBQL không hoàn thành kế hoạch	Tổng số	Số GV tham gia BDTX	Số GV được miễn BDTX	Số GV hoàn thành kế hoạch	Số GV không hoàn thành kế hoạch	
3	3	0	3	0	48	48	0	48	0	

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

a) Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường, diện tích bình quân tối thiểu cho một học sinh; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định:

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân	Yêu cầu tối thiểu
1	Số điểm trường	1		
2	Tổng số diện tích đất (m ²)	17.543,7 m ²	16,9 m ² /học sinh	Đạt
3	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m ²)	10.000 m ²	9.64 m ² /học sinh	Đạt
4	Tổng diện tích các phòng học (m ²)	4.043 m ²	3.9 m ² /học sinh	Đạt

b) Số lượng, hạng mục khối phòng hành chính quản trị; khối phòng học tập; khối phòng hỗ trợ học tập; khối phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao; khối phục vụ sinh hoạt; hạ tầng kỹ thuật; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định:

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân	Yêu cầu tối thiểu		
I	Số phòng học	24	2.9 m ² /học sinh	Đạt		
II	Loại phòng học					
1	Phòng học kiên cố	24	60 m ² /phòng	Đạt		
2	Phòng học bán kiên cố	0	0			
3	Phòng học tạm	0	0			
4	Phòng học nhờ	0	0			
5	Số phòng học bộ môn	6	115 m ² /phòng	Đạt		
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)					
7	Bình quân lớp/phòng học	24/24	1lớp/1phòng	Đạt		
8	Bình quân học sinh/lớp	1037/24	43 học sinh/lớp	Đạt		
III	Tổng diện tích các phòng					
1	Diện tích phòng học (m ²)	2.995	2.9 m ² /học sinh	Đạt		
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	1048	1.01 m ² /học sinh	Đạt		
3	Diện tích thư viện (m ²)	60	0.05 m ² /học sinh	Đạt 50%		
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	0	0 m ² /học sinh	Đạt		
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m ²)	60	0.06 m ² /học sinh	Đạt 30%		
IV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh	Số m²/học sinh		
			<i>Chung</i>	<i>Nam/Nữ</i>	<i>Chung</i>	<i>Nam/Nữ</i>
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	X		X		0.2

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân	Yêu cầu tối thiểu
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*			
V	Nội dung	Có	Yêu cầu tối thiểu	
1	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	X	Đạt	
2	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	X	Đạt	
3	Kết nối internet	X	Đạt	
4	Trang thông tin điện tử (website) của trường	X	Đạt	
5	Tường rào xây	X	Đạt	

c) Số thiết bị dạy học hiện có; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định:

I	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	Số lượng	Số bộ/lớp	Yêu cầu tối thiểu
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định			
1.1	Khối lớp 10			
1.2	Khối lớp 11			
1.3	Khối lớp 12			
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định			
2.1	Khối lớp 10			
2.2	Khối lớp 11			
2.3	Khối lớp 12			
II	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	24	1	
III	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp	
1	Ti vi thông minh có kết nối Internet	25	1	Đạt
2	Cát xét, Loa kéo di động	5	0,2	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể			
5	Camera an ninh	12	0,5	
6	Âm thanh trong lớp học	24	1	
7	Hệ thống âm thanh phát thanh trong lớp			

d) Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đã được cơ sở giáo dục lựa chọn, sử dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

TT	TÊN SÁCH	TÁC GIẢ
LỚP 10		
1	Ngữ văn 10, tập một (Kết nối)	Bùi Mạnh Hùng (TCB), Phan Huy Dũng (CB)
2	Ngữ văn 10, tập hai (Kết nối)	Bùi Mạnh Hùng (TCB), Phan Huy Dũng (CB)
3	Toán 10, tập một (Kết nối)	Hà Huy Khoái (TCB), Cung Thế Anh, Trần Văn Tấn, Đặng Hùng Thắng (đồng CB)
4	Toán 10, tập hai (Kết nối)	Hà Huy Khoái (TCB), Cung Thế Anh, Trần Văn Tấn, Đặng Hùng Thắng (ĐỒNG CB)
5	Tiếng Anh 10 Global Success (Sách học sinh)	Hoàng Văn Vân (TCB), Hoàng Thị Xuân Hoa (CB)
6	Giáo dục thể chất 10, Bóng rổ (Kết nối)	Trịnh Hữu Lộc (TCB), Nguyễn Văn Hùng (CB)
7	Giáo dục thể chất 10, Bóng chuyền (Kết nối)	Trịnh Hữu Lộc (TCB), Nguyễn Văn Hùng (CB)
8	Giáo dục thể chất 10, Bóng đá (Kết nối)	Nguyễn Duy Quyết (TCB), Hồ Đắc Sơn (CB)
9	Giáo dục thể chất 10, Cầu lông (Kết nối)	Nguyễn Duy Quyết (TCB), Ngô Việt Hoàn (CB)
10	Giáo dục Quốc phòng và An ninh 10	Nghiêm Viết Hải (TCB), Đoàn Chí Kiên (CB)
11	Hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp 10 (Kết nối)	Lưu Thu Thủy (TCB), Nguyễn Thanh Bình (CB)
12	Vật lý 10 (Kết nối)	Vũ Văn Hùng (TCB), Bùi Gia Thịnh (CB)
13	Hóa học 10 (Kết nối)	Lê Kim Long (TCB), Đặng Xuân Thư (CB)
14	Sinh học 10 (Kết nối)	Phạm Văn Lập (TCB kiêm CB)
15	Lịch sử 10 (Kết nối)	Vũ Minh Giang (TCB xuyên suốt), Phạm Hồng Tung (TCB cấp THPT kiêm CB)
16	Địa lý 10 (Kết nối)	Lê Huỳnh (TCB), Lê Huỳnh, Nguyễn Việt Khôi (ĐỒNG CB)
17	Giáo dục Kinh tế và Pháp luật 10 (Kết nối)	Trần Thị Mai Phương (CB)
18	Công nghệ 10, Thiết kế và Công nghệ (Kết nối)	Lê Huy Hoàng (TCB kiêm CB)
19	Công nghệ 10, Trồng trọt (Kết nối)	Lê Huy Hoàng (TCB), Đồng Huy Giới (CB)

20	Tin học 10 (Kết nối)	Phạm Thế Long (TCB), Đào Kiến Quốc (CB)
21	Âm nhạc 10 (Kết nối)	Phạm Phương Hoa (TCB kiêm CB)
22	Mĩ thuật 10, Thiết kế mỹ thuật đa phương tiện (Kết nối)	Nguyễn Xuân Nghị (TCB), Phạm Duy Anh (CB)
23	Mĩ thuật 10, Thiết kế đồ họa (Kết nối)	Nguyễn Xuân Nghị (TCB), Phạm Duy Anh (CB)
24	Mĩ thuật 10, Thiết kế thời trang (Kết nối)	Nguyễn Xuân Nghị (TCB), Phạm Duy Anh (CB)
25	Mĩ thuật 10, Thiết kế mỹ thuật sân khấu, điện ảnh (Kết nối)	Nguyễn Xuân Nghị (TCB), Phạm Duy Anh (CB)
26	Mĩ thuật 10, Lí luận và Lịch sử mỹ thuật (Kết nối)	Nguyễn Xuân Nghị (TCB), Phạm Duy Anh (CB)
27	Mĩ thuật 10, Điêu khắc (Kết nối)	Nguyễn Xuân Nghị (TCB), Phạm Duy Anh (CB)
28	Mĩ thuật 10, Kiến trúc (Kết nối)	Nguyễn Xuân Nghị (TCB), Phạm Duy Anh (CB)
29	Mĩ thuật 10, Đồ họa (Tranh in) (Kết nối)	Nguyễn Xuân Nghị (TCB), Phạm Duy Anh (CB)
30	Mĩ thuật 10, Thiết kế công nghiệp (Kết nối)	Nguyễn Xuân Nghị (TCB), Phạm Duy Anh (CB)
31	Mĩ thuật 10, Hội họa (Kết nối)	Nguyễn Xuân Nghị (TCB), Phạm Duy Anh (CB)
32	Chuyên đề học tập Ngữ văn 10 (Kết nối)	Bùi Mạnh Hùng (TCB), Phan Huy Dũng (CB)
33	Chuyên đề học tập Toán 10 (Kết nối)	Hà Huy Khoái (TCB), Cung Thế Anh, Trần Văn Tấn (đồng CB)
34	Chuyên đề học tập Vật lý 10 (Kết nối)	Vũ Văn Hùng (TCB), Nguyễn Quang Báu (CB)
35	Chuyên đề học tập Hóa học 10 (Kết nối)	Lê Kim Long (TCB), Đặng Xuân Thư (CB)
36	Chuyên đề học tập Sinh học 10 (Kết nối)	Phạm Văn Lập (TCB kiêm CB)
37	Chuyên đề học tập Lịch sử 10 (Kết nối)	Vũ Minh Giang (TCB xuyên suốt), Phạm Hồng Tung (TCB cấp THPT kiêm CB)
38	Chuyên đề học tập Địa lý 10 (Kết nối)	Lê Huỳnh (TCB kiêm CB)
39	Chuyên đề học tập Giáo dục Kinh tế và Pháp luật 10 (Kết nối)	Trần Thị Mai Phương (CB)
40	Chuyên đề học tập Công nghệ 10, Thiết kế và công nghệ (Kết nối)	Lê Huy Hoàng (TCB), Nguyễn Quốc Cường (CB)
41	Chuyên đề học tập Công nghệ 10, Trồng trọt (Kết nối)	Lê Huy Hoàng (TCB), Đồng Huy Giới (CB)
42	Chuyên đề học tập Tin học 10, Định hướng tin học ứng dụng (Kết nối)	Phạm Thế Long (TCB), Đào Kiến Quốc (CB)

43	Chuyên đề học tập Tin học 10, Định hướng khoa học máy tính (Kết nối)	Phạm Thế Long (TCB), Bùi Việt Hà (CB)
44	Chuyên đề học tập Âm nhạc 10 (Kết nối)	Phạm Phương Hoa (TCB kiêm CB)
45	Chuyên đề học tập Mĩ thuật 10 (Kết nối)	Hoàng Minh Phúc (CB)
LỚP 11		
1	Ngữ Văn 11, tập 1 (Kết nối)	Bùi Mạnh Hùng (TCB), Phan Huy Dũng (CB)
2	Ngữ Văn 11, tập 2 (Kết nối)	Bùi Mạnh Hùng (TCB), Phan Huy Dũng (CB)
3	Toán 11, tập 1 (Kết nối)	Hà Huy Khoái (TCB), Cung Thế Anh, Trần Văn Tấn, Đặng Hùng Thắng (đồng CB)
4	Toán 11, tập 2 (Kết nối)	Hà Huy Khoái (TCB), Cung Thế Anh, Trần Văn Tấn, Đặng Hùng Thắng (đồng CB)
5	Tiếng Anh 11 Global Success (Sách học sinh)	Hoàng Văn Vân (TCB), Vũ Hải Hà (CB)
6	Giáo dục thể chất 11, Bóng chuyền (Kết nối)	Trịnh Hữu Lộc (TCB), Nguyễn Văn Hùng (CB)
7	Giáo dục thể chất 11, Bóng rổ (Kết nối)	Trịnh Hữu Lộc (TCB), Nguyễn Văn Hùng (CB)
8	Giáo dục thể chất 11, Bóng đá (Kết nối)	Nguyễn Duy Quyết (TCB), Hồ Đắc Sơn (CB)
9	Giáo dục thể chất 11, Cầu lông (Kết nối)	Nguyễn Duy Quyết (TCB), Hồ Đắc Sơn (CB)
10	Giáo dục kinh tế và pháp luật 11 (Kết nối)	Nguyễn Minh Đoan, Trần Thị Mai Phương (đồng CB)
11	Giáo dục Quốc phòng và An ninh 11 (Kết nối)	Nghiêm Viết Hải (TCB)
12	Lịch sử 11 (Kết nối)	Vũ Minh Giang (TCB xuyên suốt), Phạm Hồng Tung (TCB cấp THPT), Trần Thị Vinh (CB)
13	Địa lí 11 (Kết nối)	Lê Huỳnh (TCB), Nguyễn Thị Vũ Hà (CB)
14	Vật lí 11 (Kết nối)	Vũ Văn Hùng (TCB), Nguyễn Văn Biên (CB)
15	Hóa học 11 (Kết nối)	Lê Kim Long (TCB), Đặng Xuân Thư (CB)
16	Sinh học 11 (Kết nối)	Phạm Văn Lập (TCB), Lê Đình Tuấn (CB)
17	Tin học 11, Định hướng Tin học ứng dụng (Kết nối)	Phạm Thế Long (TCB), Bùi Việt Hà, Đoàn Kiến Quốc (CB)
18	Tin học 11, Định hướng Khoa học máy tính (Kết nối)	Phạm Thế Long (TCB), Bùi Việt Hà, Đoàn Kiến Quốc (CB)
19	Công nghệ 11, Công nghệ cơ khí (Kết nối)	Lê Huy Hoàng (TCB), Thái Thế Hùng (CB)

20	Công nghệ 11, Công nghệ chăn nuôi (Kết nối)	Lê Huy Hoàng (TCB), Thái Thế Hùng (CB)
21	Âm nhạc 11 (Kết nối)	Phạm Phương Hoa (TCB kiêm CB)
22	Mĩ thuật 11, Thiết kế mỹ thuật đa phương tiện (Kết nối)	Đình Gia Lê (TCB)
23	Mĩ thuật 11, Thiết kế đồ họa (Kết nối)	Đình Gia Lê (TCB)
24	Mĩ thuật 11, Thiết kế thời trang (Kết nối)	Đình Gia Lê (TCB)
25	Mĩ thuật 11, Thiết kế mỹ thuật sân khấu, điện ảnh (Kết nối)	Đình Gia Lê (TCB)
26	Mĩ thuật 11, Lí luận và Lịch sử mỹ thuật (Kết nối)	Đình Gia Lê (TCB)
27	Mĩ thuật 11, Điêu khắc (Kết nối)	Đình Gia Lê (TCB)
28	Mĩ thuật 11, Kiến trúc (Kết nối)	Đình Gia Lê (TCB)
29	Mĩ thuật 11, Đồ họa (Tranh in) (Kết nối)	Đình Gia Lê (TCB)
30	Mĩ thuật 11, Thiết kế công nghiệp (Kết nối)	Đình Gia Lê (TCB)
31	Mĩ thuật 11, Hội họa (Kết nối)	Đình Gia Lê (TCB)
32	Hoạt động Trải nghiệm, hướng nghiệp 11 (Kết nối)	Lưu Thu Thủy (TCB), Nguyễn Thanh Bình (CB)
33	Chuyên đề học tập Ngữ văn 11 (Kết nối)	Bùi Mạnh Hùng (TCB), Phan Huy Dũng (CB)
34	Chuyên đề học tập Toán 11 (Kết nối)	Hà Huy Khoái (TCB), Cung Thế Anh, Trần Văn Tấn (đồng CB)
35	Chuyên đề học tập Giáo dục kinh tế và pháp luật 11 (Kết nối)	Nguyễn Minh Đoan, Trần Thị Mai Phương (đồng CB)
36	Chuyên đề học tập Lịch sử 11 (Kết nối)	Vũ Minh Giang (TCB)
37	Chuyên đề học tập Địa lí 11 (Kết nối)	Lê Huỳnh (TCB), Nguyễn Thị Vũ Hà (CB)
38	Chuyên đề học tập Vật lí 11 (Kết nối)	Vũ Văn Hùng (TCB), Đặng Thanh Hải (CB)
39	Chuyên đề học tập Hóa học 11 (Kết nối)	Lê Kim Long (TCB), Đặng Xuân Thư (CB)
40	Chuyên đề học tập Sinh học 11 (Kết nối)	Phạm Văn Lập (TCB), Lê Đình Tuấn (CB)
41	Chuyên đề học tập Tin học 11, Định hướng Tin học ứng dụng (Kết nối)	Phạm Thế Long (TCB), Bùi Việt Hà (CB)
42	Chuyên đề học tập Tin học 11, Định hướng Khoa học máy tính (Kết nối)	Phạm Thế Long (TCB), Bùi Việt Hà, Đoàn Kiến Quốc (CB)

43	Chuyên đề học tập Công nghệ 11, Công nghệ cơ khí (Kết nối)	Lê Huy Hoàng (TCB), Thái Thế Hùng (CB)
44	Chuyên đề học tập Công nghệ 11, Công nghệ chăn nuôi (Kết nối)	Lê Huy Hoàng (TCB), Đồng Huy Giới (CB)
45	Chuyên đề học tập Âm nhạc 11 (Kết nối)	Phạm Phương Hoa (TCB kiêm CB)
46	Chuyên đề học tập Mỹ thuật 11 (Kết nối)	Đình Gia Lê (TCB)
LỚP 12		
1	Sinh học 12 (Kết nối)	Phạm Văn Lập (TCB kiêm CB)
2	Chuyên đề học tập Sinh học 12 (Kết nối)	Phạm Văn Lập (TCB kiêm CB)
3	Công nghệ 12: Công nghệ Điện - Điện tử (Kết nối)	Lê Huy Hoàng (TCB)
4	Công nghệ 12: Lâm nghiệp - Thủy sản (Kết nối)	Lê Huy Hoàng (TCB)
5	Chuyên đề học tập Công nghệ 12: Công nghệ Điện - Điện tử (Kết nối)	Lê Huy Hoàng (TCB)
6	Chuyên đề học tập Công nghệ 12: Lâm nghiệp - Thủy sản (Kết nối)	Lê Huy Hoàng (TCB)
7	Địa lí 12 (Kết nối)	Lê Huỳnh (TCB), Nguyễn Thị Sơn (CB)
8	Chuyên đề học tập Địa lí 12 (Kết nối)	Lê Huỳnh (TCB), Nguyễn Thị Sơn (CB)
9	Giáo dục thể chất 12, Bóng đá (Kết nối)	Nguyễn Duy Quyết (TCB), Hồ Đắc Sơn (CB)
10	Giáo dục thể chất 12, Bóng chuyền (Kết nối)	Trịnh Hữu Lộc (TCB), Nguyễn Văn Hùng (CB)
11	Giáo dục thể chất 12, Bóng rổ (Kết nối)	Trịnh Hữu Lộc (TCB), Nguyễn Văn Hùng (CB)
12	Giáo dục thể chất 12, Cầu lông (Kết nối)	Trịnh Hữu Lộc (TCB), Nguyễn Văn Hùng (CB)
13	Hóa học 12 (Kết nối)	Lê Kim Long (TCB), Đặng Xuân Thư (CB)
14	Chuyên đề học tập Hóa học 12 (Kết nối)	Lê Kim Long (TCB), Đặng Xuân Thư (CB)
15	Tin học 12, Định hướng Khoa học máy tính (Kết nối)	Phạm Thế Long (TCB), Bùi Việt Hà, Đoàn Kiến Quốc (CB)
16	Tin học 12, Định hướng Tin học ứng dụng (Kết nối)	Phạm Thế Long (TCB), Bùi Việt Hà, Đoàn Kiến Quốc (CB)
17	Chuyên đề học tập Tin học 12, Định hướng Khoa học máy tính (Kết nối)	Phạm Thế Long (TCB), Bùi Việt Hà (CB)
18	Chuyên đề học tập Tin học 12, Định hướng Tin học ứng dụng	Phạm Thế Long (TCB), Đào Kiến Quốc (CB)

	(Kết nối)	
19	Vật lí 12 (Kết nối)	Vũ Văn Hùng (TCB), Nguyễn Văn Biên (CB)
20	Chuyên đề học tập Vật lí 12 (Kết nối)	Vũ Văn Hùng (TCB), Đặng Thanh Hải (CB)
21	Mĩ thuật 12, Thiết kế mỹ thuật đa phương tiện (Kết nối)	Đình Gia Lê (TCB)
22	Mĩ thuật 12, Thiết kế đồ họa (Kết nối)	Đình Gia Lê (TCB)
23	Mĩ thuật 12, Thiết kế thời trang (Kết nối)	Đình Gia Lê (TCB)
24	Mĩ thuật 12, Thiết kế mỹ thuật sân khấu, điện ảnh (Kết nối)	Đình Gia Lê (TCB)
25	Mĩ thuật 12, Lí luận và Lịch sử mỹ thuật (Kết nối)	Đình Gia Lê (TCB)
26	Mĩ thuật 12, Điêu khắc (Kết nối)	Đình Gia Lê (TCB)
27	Mĩ thuật 12, Kiến trúc (Kết nối)	Đình Gia Lê (TCB)
28	Mĩ thuật 12, Đồ họa (Tranh in) (Kết nối)	Đình Gia Lê (TCB)
29	Mĩ thuật 12, Thiết kế công nghiệp (Kết nối)	Đình Gia Lê (TCB)
30	Mĩ thuật 12, Hội họa (Kết nối)	Đình Gia Lê (TCB)
31	Hoạt động Trải nghiệm, hướng nghiệp 12 (Kết nối)	Lưu Thu Thủy (TCB), Nguyễn Thanh Bình (CB)
32	Âm nhạc 12 (Kết nối)	Phạm Phương Hoa (TCB kiêm CB)
33	Chuyên đề học tập Âm nhạc 12 (Kết nối)	Phạm Phương Hoa (TCB kiêm CB)
34	Lịch sử 12 (Kết nối)	Vũ Minh Giang (TCB xuyên suốt)
35	Chuyên đề học tập Lịch sử 12 (Kết nối)	Vũ Minh Giang (TCB xuyên suốt)
36	Toán 12, tập 1 (Kết nối)	Hà Huy Khoái (TCB), Cung Thế Anh, Trần Văn Tấn, Đặng Hùng Thắng (đồng CB)
37	Toán 12, tập 2 (Kết nối)	Hà Huy Khoái (TCB), Cung Thế Anh, Trần Văn Tấn, Đặng Hùng Thắng (đồng CB)
38	Chuyên đề học tập Toán 12 (Kết nối)	Hà Huy Khoái (TCB), Cung Thế Anh, Đặng Hùng Thắng (đồng CB)
39	Ngữ Văn 12, tập 1 (Kết nối)	Bùi Mạnh Hùng (TCB), Phan Huy Dũng (CB)
40	Ngữ Văn 12, tập 2 (Kết nối)	Bùi Mạnh Hùng (TCB), Phan Huy Dũng (CB)
41	Chuyên đề học tập Ngữ văn 12 (Kết nối)	Bùi Mạnh Hùng (TCB), Phan Huy Dũng (CB)

42	Giáo dục kinh tế và pháp luật 12 (Kết nối)	Nguyễn Minh Đuan, Trần Thị Mai Phương (đồng CB)
43	Chuyên đề học tập Giáo dục kinh tế và pháp luật 12 (Kết nối)	Nguyễn Minh Đuan, Trần Thị Mai Phương (đồng CB)
44	Chuyên đề học tập Mỹ thuật 12 (Kết nối)	Đình Gia Lê (TCB)
45	Giáo dục Quốc phòng và An ninh 12 (Kết nối)	Nghiêm Viết Hải (TCB)
46	Tiếng Anh 12 Global Success (Sách học sinh)	Hoàng Văn Vân (TCB), Vũ Hải Hà (CB)

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

a) Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá:

Hằng năm nhà trường đều tiến hành tự đánh giá và xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá.

b) Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm và hằng năm.

Nhà trường đã được UBND tỉnh Nam Định Công nhận trường đạt chuẩn quốc gia Mức độ 1 (Quyết định số 2526/QĐ-UBND ngày 18/11/2024); Sở GD&ĐT Nam Định công nhận trường đạt Kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 2 (Quyết định số 2269/QĐ-SGDĐT ngày 18/11/2024); Công nhận trường đạt chuẩn Xanh-Sạch-Đẹp-An toàn (Quyết định số 2270/QĐ-SGDĐT ngày 18/11/2024); Công nhận Thư viện đạt chuẩn (Quyết định số 2271/QĐ-SGDĐT ngày 18/11/2024).

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Thông tin về kế hoạch hoạt động giáo dục của năm học:

a) Kế hoạch tuyển sinh của cơ sở giáo dục, trong đó thể hiện rõ đối tượng, chỉ tiêu, phương thức tuyển sinh, các mốc thời gian thực hiện tuyển sinh và các thông tin liên quan;

b) Kế hoạch giáo dục của cơ sở giáo dục;

c) Quy chế phối hợp giữa cơ sở giáo dục với gia đình và xã hội trong việc chăm sóc, giáo dục học sinh;

d) Các chương trình, hoạt động hỗ trợ học tập, rèn luyện, sinh hoạt cho học sinh ở cơ sở giáo dục;

2. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học trước:

a) Kết quả tuyển sinh; tổng số học sinh theo từng khối; số học sinh bình quân/lớp theo từng khối; số lượng học sinh học 02 buổi/ngày; số lượng học sinh nam/học sinh nữ, học sinh là người dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật; số lượng học sinh chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại trường:

- Kết quả tuyển sinh lớp 10 năm học 2025-2026: 8 lớp với 336 học sinh, điểm chuẩn đầu vào 17,35 điểm.

- Tổng số học sinh theo từng khối kết thúc năm học: Khối 10: 338 học sinh; Khối 11: 364 học sinh; Khối 12: 320 học sinh.

- Số học sinh bình quân/lớp theo từng khối: Khối 10: 42,25 học sinh; Khối 11: 45,5 học sinh; Khối 12: 40 học sinh.

- Số lượng học sinh học 02 buổi/ngày: 322

- Số lượng học sinh nam/học sinh nữ: Khối 10: 167/168 ; Khối 11: 186/178 ; Khối 12: 169/150

- Số học sinh là người dân tộc thiểu số: Khối 10: 03 học sinh; Khối 11: 01 học sinh; Khối 12: 00 học sinh.

- Số học sinh khuyết tật: Khối 10: 02 học sinh; Khối 11: 05 học sinh; Khối 12: 04 học sinh.

- Số lượng học sinh chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại trường: 02 học sinh chuyển đi và 08 học sinh chuyển về trường.

b) Thống kê kết quả đánh giá học sinh theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo; thống kê số lượng học sinh được lên lớp, học sinh không được lên lớp:

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp		
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I	Số học sinh chia theo kết quả rèn luyện/ hạnh kiểm (HKI 2025 – 2026)	1018	335	364	319
1	Tốt (tỷ lệ % so với tổng số)	99.12	98.51	99.18	99.69
2	Khá (tỷ lệ % so với tổng số)	0.88	1.49	0.82	0.31
3	Đạt (tỷ lệ % so với tổng số)	0.0	0.0	0.0	0.0
4	Chưa đạt (tỷ lệ % so với tổng số)	0.0	0.0	0.0	0.0
II	Số học sinh chia theo kết quả học tập/học lực (HKI 2025 – 2026)	1018	335	364	319
1	Tốt (tỷ lệ % so với tổng số)	51.18	30.15	40.93	84.95
2	Khá (tỷ lệ % so với tổng số)	47.15	65.67	58.52	14.73
3	Đạt (tỷ lệ % so với tổng số)	1.57	4.18	0.27	0.31
4	Chưa đạt (tỷ lệ % so với tổng số)	0.0	0.0	0.0	0.0
III	Tổng hợp kết quả năm học (2024 – 2025)	1032	361	322	349
1	Học sinh lên lớp (tỷ lệ % so với tổng số)	100	100	100	100
a	Học sinh xuất sắc	43	6	17	20

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp		
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
b	Học sinh giỏi (tỷ lệ % so với tổng số)	53.88	35.73	50.31	75.93
c	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ % so với tổng số)	44.67	60.66	49.07	24.07
2	Học sinh thi lại (tỷ lệ % so với tổng số)	0.0	0.0	0.0	0.0
3	Học sinh rèn luyện lại trong hè (tỷ lệ % so với tổng số)	0.0	0.0	0.0	0.0
4	Học sinh lưu ban (tỷ lệ % so với tổng số)	0.0	0.0	0.0	0.0
5	Học sinh bị đuổi học	0	0	0	0
6	Học sinh nghỉ, bỏ học	8	5	1	2

c) Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình, học sinh được cấp bằng tốt nghiệp; số lượng học sinh trúng tuyển vào các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đối với cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông; số lượng học sinh trúng tuyển đại học đối với cấp trung học phổ thông:

- Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình: 0 học sinh
- Số học sinh được cấp bằng tốt nghiệp: 315
- Số lượng học sinh trúng tuyển vào các cơ sở giáo dục nghề nghiệp: 50 học sinh
- Số lượng học sinh trúng tuyển đại học: 200 học sinh

1. Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục trong năm tài chính trước liền kề thời điểm báo cáo theo quy định pháp luật, trong đó có cơ cấu các khoản thu, chi hoạt động như sau:

a) Các khoản thu phân theo: Nguồn kinh phí (ngân sách nhà nước, hỗ trợ của nhà đầu tư; học phí, lệ phí và các khoản thu khác từ người học; kinh phí tài trợ và hợp đồng với bên ngoài; nguồn thu khác) và loại hoạt động (giáo dục và đào tạo; khoa học và công nghệ; hoạt động khác);

TT	Nội dung công khai	Văn bản công khai
1	Công khai dự toán NSNN đầu năm 2025	Quyết định số: 01/QĐ-THPTTQ ngày 06/01/2025 Công khai dự toán thu chi NSNN năm 2025.
2	Công khai dự toán NSNN (bổ sung lần 1) năm 2025	Quyết định số: 73/QĐ-THPTTQ ngày 13/5/2025 Công khai dự toán thu chi NSNN năm 2025 (Bổ sung lần 1).
3	Công khai dự toán NSNN (bổ sung lần 2) năm 2025	Quyết định số: 254/QĐ-THPTTQ ngày 30/12/2025 Công khai dự toán thu chi NSNN năm 2025 (Bổ sung lần 2).
4	Công khai số liệu và thuyết	Quyết định số: 46/QĐ-THPTTQ ngày 11/4/2025

	minh tình hình thực hiện dự toán NSNN quý I, năm 2025	Công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán NSNN quý I năm 2025.
5	Công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán NSNN quý II năm 2025 và thực hiện dự toán thu chi ngân sách 6 tháng đầu năm 2025	Quyết định số: 02/QĐ-THPTTQ ngày 17/7/2025 - Công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán NSNN quý II năm 2025 và thực hiện dự toán thu chi ngân sách 6 tháng đầu năm 2025
6	Công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán NSNN quý III, năm 2025	Quyết định số: 88/QĐ-THPTTQT ngày 10/10/2025 Công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán NSNN quý III, năm 2025.
7	Công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán NSNN quý IV, năm 2024	Quyết định số: 03/QĐ-THPTTQT ngày 09/01/2025 Công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán NSNN quý IV, năm 2024.
8	Công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán NSNN năm 2024	Quyết định số: 14/QĐ-THPTTQT ngày 24/01/2025 Công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán NSNN năm 2024
9	Công khai quyết toán NSNN năm 2024	Quyết định số: 48 /QĐ-THPTTQT ngày 25/4/2025 Công khai quyết toán NSNN năm 2024
10	Công khai điều chỉnh dự toán chi thường xuyên ngân sách năm 2025	Quyết định số: 191 /QĐ-THPTTQT ngày 18/11/2025 Công khai điều chỉnh dự toán chi thường xuyên ngân sách năm 2025
11	Công khai tiết kiệm 10% chi thường xuyên năm 2025	Quyết định số: 93/QĐ-THPTTQT ngày 29/6/2025 Công khai tiết kiệm 10% dự toán chi thường xuyên ngân sách năm 2025
12	Công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán NSNN năm 2025	Quyết định số: 54/QĐ-THPTTQT ngày 30/01/2026 Công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán NSNN năm 2025
13	Công khai mức thu dịch vụ tuyển sinh vào 10 năm học 2025-2026	Thông báo số 90/TB-THPTTQT ngày 20/5/2025 về mức thu dịch vụ tuyển sinh vào lớp 10 năm học 2025-2026
14	Công khai quyết toán thu chi Học phí và các khoản phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục năm học 2024 -2025	Quyết định Số: 24/QĐ-THPTTQT ngày 21/08/2025 công khai quyết toán thu chi các khoản đóng góp ngoài học phí và học phí năm học 2024 - 2025

15	Công khai dự toán năm 2026	Quyết định Số: 09/QĐ-THPTTQT ngày 08/01/2026 công khai dự toán ngân sách năm 2026
16	Công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán NSNN quý IV, năm 2025	Quyết định số: 8/QĐ-THPTTQT ngày 07/01/2026 Công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán NSNN quý IV, năm 2025.
17	Công khai kết quả mua sắm tài sản năm 2025	Quyết định số: 15/QĐ-THPTTQT ngày 9/8/2025 Công khai kết quả mua sắm taifsanr năm 2025
18	Công khai tình hình quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp của cơ quan, tổ chức, đơn vị tính đến 31/12/2025	Quyết định số: 261/QĐ-THPTTQT ngày 31/12/2025 Công khai tình hình quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp của cơ quan, tổ chức, đơn vị tính đến 31/12/2025
19	Công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước quý I năm 2026	Quyết định số: 146/QĐ-THPTTQT ngày 10/04/2026 Công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước quý I năm 2026
20	Công khai quyết toán NSNN năm 2025	Quyết định số: 161/QĐ-THPTTQT ngày 22/04/2026 Công khai số liệu quyết toán ngân sách NN năm 2025

b) Các khoản chi phân theo: Chi tiền lương và thu nhập (lương, phụ cấp, lương tăng thêm và các khoản chi khác có tính chất như lương cho giáo viên, giảng viên, cán bộ quản lý, nhân viên,...); chi cơ sở vật chất và dịch vụ (chi mua sắm, duy tu sửa chữa, bảo dưỡng và vận hành cơ sở vật chất, trang thiết bị, thuê mướn các dịch vụ phục vụ trực tiếp cho hoạt động giáo dục, đào tạo, nghiên cứu, phát triển đội ngũ,...); chi hỗ trợ người học (học bổng, trợ cấp, hỗ trợ sinh hoạt, hoạt động phong trào, thi đua, khen thưởng,...); chi khác.

TT	Nội dung công khai	Văn bản công khai
1	Công khai “Các khoản chi theo từng năm học: các khoản chi lương, chi bồi dưỡng chuyên môn, chi hội họp, hội thảo, chi tham quan học tập trong nước và nước ngoài; mức thu nhập hằng tháng của giáo viên và cán bộ quản lý (mức cao nhất, bình	1.Thông báo số: 14/TB-THPTTQT ngày 9/8/2025 Thông báo các khoản chi lương, chi bồi dưỡng chuyên môn, chi hội họp, hội thảo, chi tham quan học tập trong nước và ngoài nước, mức chi thường xuyên/lhs, chi đầu tư xây dựng, sửa chữa mua sắm trang thiết bị năm học 2024-2025 2.Thông báo số: 12/TB-THPTTQT ngày 20/01/2025 Thông báo mức thu nhập của GV, CBQL tháng 01 năm 2025. 3.Thông báo số: 18/TB- THPTTQT ngày 18/2/2025 Thông báo mức thu nhập của GV, CBQL tháng 2 năm 2025. 4.Thông báo số: 30/TB- THPTTQT ngày 13/3/2025 Thông

<p>quân và thấp nhất); mức chi thường xuyên/1 học sinh; chi đầu tư xây dựng, sửa chữa, mua sắm trang thiết bị”</p>	<p>báo mức thu nhập của GV, CBQL tháng 3/2025</p> <p>5. Thông báo số: 49/TB- THPTTQT ngày 11/4/2025</p> <p>Thông báo mức thu nhập của GV, CBQL tháng 4/2025</p> <p>6. Thông báo số: 79/TB-THPTTQT ngày 18/5/2025 Thông báo mức thu nhập của GV, CBQL tháng 5 năm 2025.</p> <p>7. Thông báo số: 114/TB-THPTTQT ngày 18/6/2025 Thông báo mức thu nhập của GV, CBQL tháng 06 năm 2025.</p> <p>8. Thông báo số: 23/TB-THPTTQT ngày 21/8/2025 Thông báo mức thu nhập của GV, CBQL tháng 8 năm 2025.</p> <p>9. Thông báo số: 54/TB-THPTTQT ngày 15/9/2025 Thông báo mức thu nhập của GV, CBQL tháng 9/2025</p> <p>10. Thông báo số: 07/TB-THPTTQT ngày 28/7/2025 Thông báo mức thu nhập của GV, CBQL tháng 07/2025</p> <p>11. Thông báo số: 87/TB-THPTTQT ngày 9/10/2025 Thông báo mức thu nhập của GV, CBQL tháng 10/2025</p> <p>12. Thông báo số: 192/TB-THPTTQT ngày 19/11/2025 Thông báo mức thu nhập của GV, CBQL tháng 11/2025</p> <p>13. Thông báo số: 260/TB-THPTTQT ngày 31/12/2025 Thông báo mức thu nhập của GV, CBQL tháng 12/2025</p> <p>14. Thông báo số: 53/TB-THPTTQT ngày 30/01/2026 Thông báo mức thu nhập của GV, CBQL tháng 01/2026</p> <p>15. Thông báo số: 84/TB-THPTTQT ngày 12/02/2026 Thông báo mức thu nhập của GV, CBQL tháng 02/2026</p> <p>16. Thông báo số: 105/TB-THPTTQT ngày 10/03/2026 Thông báo mức thu nhập của GV, CBQL tháng 03/2026</p> <p>17. Thông báo số: 145/TB-THPTTQT ngày 10/04/2026 Thông báo mức thu nhập của GV, CBQL tháng 04/2026</p>
--	--

2. Các khoản thu và mức thu đối với người học, bao gồm: học phí, lệ phí, tất cả các khoản thu và mức thu ngoài học phí, lệ phí (nếu có) trong năm học và dự kiến cho từng năm học tiếp theo của cấp học hoặc khóa học của cơ sở giáo dục trước khi tuyển sinh, dự tuyển.

TT	Nội dung công khai	Văn bản công khai
1	Công khai “Mức thu học phí và các khoản thu khác theo từng năm học và dự kiến cho cả cấp	Quyết định số: 199/QĐ-THPTTQT ngày 16/9/2024 công khai dự toán thu chi các khoản ngoài học phí năm học 2024-2025 và thông báo các khoản thu năm học 2024-2025, 2025-2026, 2026-2027

học/khóa học”	
---------------	--

3. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học.

TT	Nội dung công khai	Văn bản công khai
1	Công khai kết quả thực hiện chính sách miễn giảm học phí và hỗ trợ CPHT, tiền học bổng và hỗ trợ phương tiện, đồ dùng học tập đối với người khuyết tật năm học 2024-2025	Quyết định số: 25/QĐ-THPTTQT ngày 25/8/2025 Công khai kết quả thực hiện chính sách miễn giảm học phí và hỗ trợ CPHT, tiền học bổng và hỗ trợ phương tiện, đồ dùng học tập đối với người khuyết tật năm học 2024-2025

4. Số dư các quỹ theo quy định, kể cả quỹ đặc thù (nếu có).

TT	Nội dung công khai	Văn bản công khai
1	Công khai “Số dư các quỹ tạo lập”	Thông báo số 262/TB-THPTTQT ngày 31/12/2025 , thông báo công khai các quỹ

5. Các nội dung công khai tài chính khác thực hiện theo quy định của pháp luật về tài chính, ngân sách, kế toán, kiểm toán, dân chủ cơ sở.

TT	Nội dung công khai	Văn bản công khai
1	Công khai “Kết quả kiểm toán (nếu có)”	Không có
2	Công khai “Chính sách học bổng và kết quả thực hiện trong từng năm học”	Không có

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

1. Báo cáo số 95/BC-THPTTQT ngày 23/5/2025 về Báo cáo tổng kết năm học 2024-2025, Phương hướng, nhiệm vụ năm học 2025-2026 của trường THPT Trần Quốc Tuấn.

2. Báo cáo số 58/BC-THPTTQT ngày 28/4/2025 về Báo cáo Tổng kết thực hiện chương trình, SGK giáo dục phổ thông 2018 của trường THPT Trần Quốc Tuấn.

Ghi chú: Mục công khai, đường link:

<https://thpttranquoctuan.ninhbinh.edu.vn/chuyen-muc/cong-khai>

HIỆU TRƯỞNG

Tạ Văn Duy